

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TC
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày: 20/02/2020

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa: Bà Cù Ngọc SAg - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HS ngày 05/02/2020 đối với bị cáo:

Trần Trường A, sinh năm 1999, nơi sinh: TC - AG; nơi cư trú (ĐKHKT): Ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: đạo phật; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972 và bà Trần Thị C, sinh năm 1972; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Trường A, bị tạm giam từ ngày 29/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Văn B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quA đến vụ án: Nguyễn Lê Quốc B, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 378/50, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận BT, Tp HCM, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn S, vắng mặt;

- PhA Văn T, vắng mặt;
- Lê Văn P, vắng mặt;
- PhA Thị Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 15/11/2019, Trần Trường A đi bộ đến khu đất vườn thuộc tổ 03, ấp 03, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG, A ngủ lại tại đây. Đến khoảng 03 giờ 00 ngày 16/11/2019, Trần Trường A đi bộ về nhà thuộc ấp 1, xã VX, thị xã TC. Trên đường đi bộ về nhà, A nhìn thấy xe mô tô, biển kiểm soát 50SD-6482 của anh Lê Văn B đang dựng cặp lề đường thuộc khu vực tổ 03, ấp 3, xã VX nhưng không có người trông giữ, A nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô này, đem bán lấy tiền tiêu xài, A liền tìm xung quanh thấy có một thanh kim loại nhỏ, A dùng thanh kim loại mở ổ khóa xe mô tô, rồi điều khiển xe mô tô đi đến một căn nhà, không có người ở thuộc ấp 1, xã VX, thị xã TC để giấu xe mô tô và A đi về nhà ngủ. Đến khoảng 06 giờ 00 cùng ngày, A điều khiển xe mô tô vừa lấy trộm được đi tìm nơi bán. Lúc này, anh Lê Văn P (anh ruột của Lê Văn B) nhìn thấy và biết đây là xe mô tô của anh B, nên anh P giữ A và xe mô tô lại, rồi trình báo với Công An xã VX, thị xã TC. Tại Công An xã VX, thị xã TC, A thừa nhận đã lấy trộm xe mô tô của anh B như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển kiểm soát 50SD-6482 (đã qua sử dụng, anh B đã nhận lại xe).

- Đối với thanh kim loại mà Trần Trường A, dùng để mở ổ khóa xe mô tô Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An thị xã TC, đã tiến hành truy tìm, nhưng không tìm được.

Kết luận định giá tài sản số 82/KL-TTHS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã TC, kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển kiểm soát 50SD-6482. Giá trị còn lại, trị giá: 2.300.000 đồng.

Ngày 28/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An thị xã TC ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam Trần Trường A.

Cáo trạng số 03/CT-VKS-CD ngày 15 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC đã truy tố bị cáo Trần Trường A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công An thị xã TC, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng. Riêng thanh kim loại mà bị cáo dùng

để mở ổ khóa xe mô tô của anh B, trên đường đi giấu xe mô tô, A đã ném thanh kim loại xuống đường.

Bị hại Lê Văn B khai, chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 50SD-6482 anh B mua của chủ xe với giá 1.800.000 đồng, không có làm hợp đồng mua bán xe và chưa làm thủ tục sang tên. Quá trình sử dụng anh B có làm lại máy xe. Hiện, anh B đã nhận lại xe mô tô nêu trên, anh B không yêu cầu A phải bồi thường gì thêm.

Ang Nguyễn Lê Quốc B khai, trước đây anh Bình có mua chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 50SD-6482, sau đó đã bán cho thương lái nhưng không nhớ rõ người mua.

Người làm chứng anh Lê Văn P, Nguyễn Văn S, Phan Văn T và Nguyễn Thị Q có lời khai phù hợp với nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên lời khai như ở đoạn điều tra, truy tố.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội: Lời khai nhận của bị cáo Trần Trường A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các người làm chứng trong quá trình điều tra cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo A lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 50SD-6482 của anh B trị giá 2.300.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC truy tố bị cáo A là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo A đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo chưa có tiền án tiền sự thuộc thành phần lao động, nghèo, trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật hạn chế, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình.

Về hình phạt

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Trường A, từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 50SD-6482 đã trao trả cho chủ sở hữu nên không đề cập đến.

Về Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, nên không đề cập.

Trong phần tranh luận, bị cáo A không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị cáo A nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Trần Trường A bị Cơ quan điều tra - Công An thị xã TC khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khu vực ấp 3, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An thị xã TC, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của bị hại anh Lê Văn B; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lê Quốc B; Các người làm chứng anh Lê Văn P, Nguyễn Văn S, Phan Văn T và Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Bị cáo Trần Trường A khai nhận, khoảng 03 giờ 00 ngày 16/11/2019, bị cáo đang đi bộ từ khu vực ấp 3, xã VX về nhà bị cáo thuộc ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Trên đường đi bộ về nhà, bị cáo nhìn thấy xe mô tô, biển kiểm soát 50SD-6482 đang dựng cặp lề đường, không người trông giữ, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo tìm xung quanh thấy có một thanh kim loại nhỏ, mở ổ khóa xe mô tô, rồi điều khiển xe mô tô đi đến một căn nhà, không có người ở thuộc ấp 1, xã VX để giấu. Sau đó, bị cáo đi về nhà ngủ. Khoảng 06 giờ 00 cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô tìm nơi bán thì bị anh Lê Văn P phát hiện và trình báo Công An xã VX.

Tài sản bị cáo A lấy trộm 01 xe gắn máy, trị giá 2.30.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 82/KL-TTHS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự).

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại Lê Văn B; phù hợp lời khai các người làm chứng Lê Văn P, Nguyễn Văn S, Phan Văn T và Nguyễn Thị Q; phù hợp biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 16/11/2019 do Công An xã VX lập và các chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Trường A có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn B, trị giá 2.300.000 đồng là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác.

Bị cáo A có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 03/CT-VKSTC ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC truy tố hành vi phạm tội của bị cáo Trần Trường A là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

An ninh trật tự là vấn đề đặc biệt và cần quan tâm, mọi người cùng nhau giữ gìn trật tự chung ở địa phương, bảo vệ tài sản của nhau. Tài sản của anh B thuộc quyền sở hữu của anh B, bất kỳ ai xâm hại sẽ bị xử lý theo pháp luật.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: không .

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo A có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật hạn chế; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ theo quy định theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Hình phạt: Bị cáo là người đã trưởng thành có sức khỏe, có khả năng lao động. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập chi phí cho bản thân và phụ giúp gia đình. Ngược lại, bị cáo lại lười biếng lao động, không làm mà muốn có tài sản sử dụng, lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Xét, cần có hình phạt nghiêm cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội trong thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển kiểm soát 50SD-6482 (đã qua sử dụng), đã giao trả cho chủ sở hữu giai đoạn điều tra và không có tranh chấp. Xét, không đề cập đến.

Đối với thanh kim loại bị cáo A mở ổ khóa xe mô tô. Không truy tìm, được nên không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn B đã nhận lại xe mô tô, không có yêu cầu khác. Xét không đề cập đến.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Trường A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Trường A phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Trần Trường A 06 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giam 29/11/2019 (ngày hai mươi chín, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Trường A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Lê Văn B, người liên quan Nguyễn Lê Quốc B vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giam (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Thị Bạch Tuyết